

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỒNG NGỰ
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 15-8-2022.
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Tấn Dũng.
2. Ông Nguyễn Thanh Hải.

Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Tường – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Diệp Văn Hiếu Nhỏ – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 70/2022/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2022 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 91/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Thanh T, sinh năm 1991. Địa chỉ cư trú: khóm 1, thị trấn T, huyện HN, tỉnh ĐT. Có mặt.
2. *Bị đơn:* Chị Phạm Thị Thanh L, sinh năm 1987. Địa chỉ cư trú: khóm 1, thị trấn T, huyện HN, tỉnh ĐT. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22/3/2022 trong quá trình tiến hành tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn anh Nguyễn Thanh T, trình bày:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị L cưới nhau vào năm 2007, không nhớ ngày tháng. Hôn nhân do quen biết trước được 01 năm. Sau khi cưới anh và chị L cùng sinh sống bên gia đình anh. Thời gian đầu vợ chồng chung sống rất hạnh

phúc đến năm 2018 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, chung sống không còn hạnh phúc nữa. Nguyên nhân do anh và chị L mâu thuẫn về chuyện tiền bạc như làm ăn không được nên vợ chồng lục đục thường xuyên cự cãi nhau. Anh không có đánh hay đuổi chị L đi. Ngoài ra, vợ chồng không còn mâu thuẫn nào khác. Anh và chị L không còn sống chung từ năm 2018 cho đến nay, vợ chồng không có gặp nhau để hàn gắn tình cảm. Không nhớ ngày tháng năm khi chị L bỏ nhà đi, anh có lên Bình Dương tìm chị L nhưng chị L không chịu về chung sống với anh. Nay tình cảm vợ chồng không còn nữa, anh yêu cầu được ly hôn với chị Phạm Thị Thanh L.

2. Về nuôi con chung: Anh và chị L chung sống với nhau có 03 con chung gồm: Con gái Nguyễn Thị Hồng N, sinh ngày 31/7/2008, con trai Nguyễn Thanh K, sinh ngày 15/3/2013, con gái Nguyễn Thị Ánh N, sinh ngày 02/8/2015. Ba con chung đang sống với anh từ khi chị L bỏ nhà đi từ năm 2018 cho đến nay, khi chị L bỏ đi cũng không về thăm con hay gởi tiền về cho anh để nuôi dưỡng con chung. Ba con chung hiện vẫn còn đi học, anh buôn bán, hàng ngày thu nhập từ 400.000đ đến 500.000đ, đủ để 04 cha con anh sinh sống. Ngoài ra, mẹ và các chị ruột của anh cũng phụ tiếp anh nuôi dưỡng, chăm sóc 03 con chung. Anh không biết chị L hiện đang làm nghề gì, thu nhập mỗi tháng được bao nhiêu tiền. Anh yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 03 con chung, tự nguyện không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

3. Về chia tài sản chung: Anh và chị L chung sống với nhau có 01 căn nhà cấp 4, diện tích ngang 4,5m x dài 18m, tọa lạc tại khóm 1, thị trấn T, huyện HN do anh đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tiền cất nhà là của cha mẹ anh cho vợ chồng anh, hiện căn nhà do anh và 03 con chung đang sinh sống. Ngoài ra, vợ chồng không còn tài sản nào khác. Về tài sản chung anh và chị L sẽ tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết cũng không yêu cầu Tòa án ghi nhận trong bản án, quyết định của Tòa án.

4. Về nợ chung: Anh và chị L chung sống không có thiếu nợ ai cũng không ai nợ vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình tiến hành tố tụng: Bị đơn chị Phạm Thị Thanh L đã được Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng chị L vẫn không có mặt và cũng không gửi văn bản ghi ý kiến của mình cho Tòa án đối với yêu cầu khởi kiện của anh Tuấn.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án và quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án theo đúng các quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tiến hành đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Người tham gia tố tụng chấp hành tốt nội quy phiên tòa. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho anh Nguyễn Thanh T được ly hôn với chị Phạm Thị Thanh L. Về nuôi con chung: Giao ba con chung Nguyễn Thị Hồng N, sinh ngày 31/7/2008, Nguyễn Thanh K, sinh ngày 15/3/2013 và Nguyễn Thị Ánh N, sinh ngày 02/8/2015 cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng, chị L không phải cấp dưỡng nuôi con do anh T không yêu cầu. Tài sản chung và nợ chung không đề cập đến.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Anh Nguyễn Thanh T có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự yêu cầu giải quyết ly hôn giữa anh và chị Phạm Thị Thanh L. Hiện chị L đang cư trú tại khóm 1, thị trấn T, huyện HN, tỉnh ĐT nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện HN, tỉnh ĐT theo quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn chị Phạm Thị Thanh L đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham dự phiên tòa sơ thẩm nhưng chị L vắng mặt, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt chị L theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn Thanh T và chị Phạm Thị Thanh L được pháp luật công nhận. Vì, có đăng ký kết hôn, theo giấy chứng nhận kết hôn số 19, quyển 01 ngày 19/02/2011 tại Ủy ban nhân dân xã 2, huyện HN, tỉnh ĐT là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Xét, yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Thanh T là có căn cứ để chấp nhận, vì trong quá trình chung sống anh T, chị L đã có mâu thuẫn với nhau là có thật. Nhận thấy trong hôn nhân vợ chồng cần phải thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Tòa án đã tiến hành hòa giải cho anh T, chị L đoàn tụ nhưng anh T vẫn cương quyết ly hôn, vì vợ chồng chung sống không còn hạnh phúc và đã không còn sống chung với nhau từ năm 2018 cho đến nay. Chị L đã được Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về

phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng chị L cũng không đến Tòa án để hòa giải, hàn gắn tình cảm với anh T, cũng không gửi văn bản ghi ý kiến của mình cho Tòa án đối với yêu cầu khởi kiện của anh T, cho thấy chị L không có thiện chí để hòa giải, hàn gắn tình cảm với anh T. Hội đồng xét xử nhận thấy, hôn nhân giữa anh T, chị L không thể hàn gắn được, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chấp nhận cho anh Nguyễn Thanh T được ly hôn với chị Phạm Thị Thanh L là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về việc nuôi con: 03 con gồm Nguyễn Thị Hồng N, sinh ngày 31/7/2008, Nguyễn Thanh K, sinh ngày 15/3/2013 và Nguyễn Thị Ánh N, sinh ngày 02/8/2015 hiện đang sinh sống cùng anh T từ khi chị L bỏ đi từ năm 2018 cho đến nay đã ổn định và đảm bảo về mọi mặt. Đồng thời ba con chung Hồng N, Thanh K, Ánh N đều có nguyện vọng sống cùng anh T. Hội đồng xét xử nghĩ nên tiếp tục giao 03 con chung Hồng N, Thanh K, Ánh N cho anh T được tiếp tục trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là đảm bảo tốt về quyền lợi mọi mặt và phát triển bình thường của con chung là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị L không phải cấp dưỡng nuôi con do anh T tự nguyện không yêu cầu phù hợp với Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[7] Về quyền thăm nom con chung: Sau khi ly hôn, chị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Chị L lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì anh T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của chị L theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

[8] Về tài sản chung: Anh Nguyễn Thanh T trình bày, anh và chị L tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[9] Về nợ chung: Anh Nguyễn Thanh T trình bày không có nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[10] Đề nghị của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện HN là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[11] Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc nguyên đơn anh Nguyễn Thanh T chịu 300.000 đồng án phí ly hôn được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo lai thu số 0003895 ngày 19/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện HN là phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Thanh T. Cho anh Nguyễn Thanh T được ly hôn với chị Phạm Thị Thanh L.

2. Về việc nuôi con:

2.1 Giao con chung Nguyễn Thị Hồng N, sinh ngày 31/7/2008, con chung Nguyễn Thanh K, sinh ngày 15/3/2013 và con chung Nguyễn Thị Ánh N, sinh ngày 02/8/2015 cho anh Nguyễn Thanh T được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

2.2 Chị Phạm Thị Thanh L không phải cấp dưỡng nuôi con do anh T tự nguyện không yêu cầu.

2.4 Về quyền thăm nom con chung: Sau khi ly hôn, chị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Chị L lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì anh T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của chị L.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Thanh T chịu 300.000 đồng án phí ly hôn được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo lai thu số 0003895 ngày 19/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện HN.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 15/8/2022). Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện HN;
- Lưu hồ sơ, lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký)

Nguyễn Thị Thùy Dung